

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 702 /SYT-NVY

Bình Phước, ngày 11 tháng 4 năm 2018

V/v Góp ý dự thảo phân bổ dự toán

chi KCB BHYT năm 2018 theo

Quyết định số 17/QĐ – TTg ngày 02/3/2018

KHẨN

Kính gửi: Các đơn vị y tế trong tỉnh.

Sở Y tế nhận được Công văn số 205/BHXH – GDYT ngày 02/4/2018 của BHXH tỉnh bình Phước về việc góp ý dự thảo phân bổ dự toán chi KCB BHYT năm 2018 theo Quyết định số 17/QĐ – TTg ngày 02/3/2018 (Có Văn bản đính kèm).

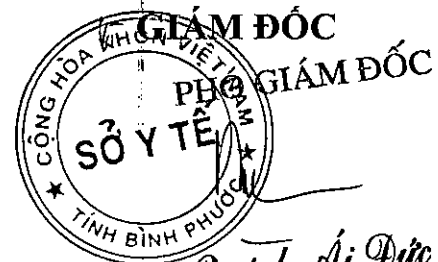
Sở Y tế yêu cầu các đơn vị khẩn trương nghiên cứu, rà soát các dữ liệu liên quan đến tình hình quản lý, sử dụng kinh phí khám, chữa bệnh BHYT năm 2017 và dự toán chi KCB BHYT năm 2018.

Văn bản góp ý gửi về Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế trước 10 giờ ngày 12/4/2018 qua địa chỉ Email: nghiepvuybp@gmail.com để kịp thời tổng hợp gửi góp ý BHXH tỉnh.

Trân trọng!
W

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ;
- Các Phòng chức năng;
- Website SYT;
- Lưu VT, NVY (Cúc 11.4).



Số: 205./BHXH-GĐYT
V/v góp ý dự thảo phân bổ dự toán chi
KCB BHYT năm 2018 theo Quyết định
số 17/QĐ-TTg ngày 02/3/2018

Bình Phước, ngày 02 tháng 4 năm 2018

Chuyên:
- H. Hoàng
- B. Nam
- N. Vũ
Ngày 10/4/18

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC	
Số	570
ĐẾN	Ngày 06.04.18
Chuyển
Lưu hồ	Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 02/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2018;

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Sở Tài Chính.

Thực hiện Công văn số 804/BHXH-CSYT ngày 13/3/2018 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện dự toán chi KCB BHYT năm 2018;

Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Bình Phước thực hiện đánh giá tình hình quản lý, sử dụng kinh phí khám, chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT) năm 2017 và xây dựng dự toán chi KCB BHYT năm 2018 đến từng cơ sở y tế có thực hiện KCB BHYT năm 2018 như sau:

1. Tình hình quản lý và sử dụng kinh phí KCB BHYT năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Trong năm 2017, BHXH tỉnh Bình Phước đã triển khai hướng dẫn và phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở KCB BHYT thực hiện dự toán chi KCB BHYT năm 2017 với các giải pháp như:

- BHXH tỉnh Bình Phước đã thực hiện và chỉ đạo BHXH các huyện, thị xã thực hiện chặt chẽ Quy trình giám định BHYT theo quyết định số 1456/QĐ-BHXH ngày 01/12/2015 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam và thực hiện giám định trên Hệ thống thông tin giám định BHYT.

- Trong quá trình giám định chi phí KCB BHYT hàng quý thường xuyên trao đổi thông tin với lãnh đạo các cơ sở KCB về những vướng mắc phát sinh tại các cơ sở KCB để có biện pháp quản lý, quán triệt đến cán bộ, nhân viên y tế trong việc chẩn đoán, điều trị, kê đơn, cấp thuốc nhằm đảm bảo quyền lợi cho người bệnh BHYT tránh trục lợi quỹ KCB BHYT.

- BHXH tỉnh thường xuyên có văn bản phối hợp với Sở Y tế để chỉ đạo các cơ sở KCB thực hiện việc gửi dữ liệu điện tử chi phí KCB BHYT (file XML) lên Công tiếp nhận Hệ thống thông tin giám định BHYT ngay khi bệnh nhân kết thúc khám, chữa bệnh và thực hiện kiểm tra, đối chiếu, gửi dữ liệu sang Hệ thống thông tin giám định BHYT theo quy định để đảm bảo quyền lợi được hưởng của đối



tượng khám, chữa bệnh BHYT, quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ sở KCB BHYT, đảm bảo thông tin KCB được kịp thời, minh bạch, công khai, chính xác.

- Với dự toán chi KCB BHYT năm 2017 được giao đến từng cơ sở KCB, BHXH tỉnh phối hợp với Sở Y tế có văn bản chỉ đạo các cơ sở KCB đưa ra các giải pháp cụ thể, phù hợp với thực tế tại từng cơ sở KCB để triển khai thực hiện, sử dụng quỹ KCB BHYT tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của người tham gia BHYT.

- Hàng quý, thực hiện hướng dẫn các cơ sở KCB có chi phí vượt quỹ KCB, vượt trần đa tuyến đến thực hiện báo cáo, xác định, thuyết minh theo từng nguyên nhân làm cơ sở để cơ quan BHXH thực hiện thẩm định nguyên nhân vượt quỹ KCB, vượt trần đa tuyến đến và thanh toán chi phí vượt quỹ KCB, vượt trần đa tuyến đến theo đúng quy định.

Với các giải pháp nêu trên, trong năm 2017 chi phí KCB do cơ quan BHXH từ chối thanh toán qua công tác giám định tại các cơ sở KCB là 14.326 triệu đồng.

*** Sử dụng kinh phí KCB BHYT**

Tính đến 31/12/2017, số người tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh Bình Phước là 781.152 người (trong đó số người tham gia thuộc nhóm đối tượng thân nhân sỹ quan quân đội là 11.595 người), đạt 101,6% kế hoạch được giao, tăng 10,7% so với năm 2016. Độ bao phủ BHYT toàn dân đạt 81,02% người tham gia/962.482 dân số toàn tỉnh; vượt 3,02% so với chỉ tiêu BHYT toàn dân năm 2017 do Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 và Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Số thu BHYT là 699.712 triệu đồng, đạt 103,1% so với kế hoạch được giao (kế hoạch giao là: 678.527 triệu đồng).

Do vậy, quỹ KCB BHYT được sử dụng trong năm 2017 là 629.741 triệu đồng, tăng 101,12% so với dự toán quỹ KCB được giao tại Quyết định số 1886/QĐ-BHXH ngày 23/10/2018 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc điều chỉnh dự toán chi KCB BHYT năm 2017 (quỹ KCB được sử dụng theo dự toán là 622.742 triệu đồng).

Số chi KCB BHYT năm 2017 tại các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh là: 453.507 triệu đồng, tăng 149.056 triệu đồng và tỷ lệ tăng là 49% so với năm 2016 (số chi KCB BHYT năm 2016 là: 304.451 triệu đồng). Trong đó, chi phí KCB tăng do tăng số lượt KCB là: 70.932 triệu đồng, do tăng chi phí bình quân là 78.124 triệu đồng.

Chi phí tăng thêm do tác động của giá dịch vụ y tế theo Thông tư liên tịch số 37 (thực hiện giá dịch vụ y tế bao gồm cả chi phí tiền lương từ ngày 21/3/2017) là 59.469 triệu đồng, tác động tăng chi phí so với năm 2016 là 20%.

Các cơ sở KCB có chi phí KCB ngoại trú bình quân/lượt tăng cao so với năm 2016 như: Trung tâm Y tế (TTYT) huyện Bù Gia Mập (tăng 49%), Bệnh viện

Quân dân Y 16 (tăng 36%), Bệnh viện đa khoa (BVĐK) cao su Bình Long (31%), TTYT huyện Đồng Phú (tăng 30%), BVĐK cao su Phú Riềng (tăng 29%), BVĐK cao su Đồng Phú (tăng 26%), TTYT huyện Bù Đăng (tăng 25%)....

Các cơ sở KCB chỉ thực hiện KCB ngoại trú có chi phí KCB bình quân/lượt (*chi phí quỹ BHYT thanh toán*) cao hơn chi phí bình quân ngoại trú chung của tuyến huyện (171.362 đồng): Phòng khám đa khoa (PKĐK) Thảo Tiên là 446.965 đồng, PKĐK Minh Tâm là 198.661 đồng...

Hầu hết các cơ sở KCB tuyến huyện đều có chi phí điều trị nội trú bình quân/đợt điều trị tăng cao so với năm 2016, đặc biệt một số cơ sở KCB tỷ lệ tăng rất cao như: TTYT huyện Bù Gia Mập (tăng 115%), TTYT huyện Chơn Thành (tăng 107%), BVĐK cao su Đồng Phú (tăng 89%), BVĐK cao su Phú Riềng (tăng 88%), TTYT huyện Đồng Phú (tăng 82%)...

Số lượt KCB BHYT năm 2017 tại các cơ sở trên địa bàn tỉnh là: 1.557.746 lượt, tăng 337.333 lượt và tỷ lệ tăng là 28% so với năm 2016 (*số lượt KCB năm 2016 là 1.220.413 lượt*).

Dự tính chi KCB BHYT năm 2017 từ quỹ KCB BHYT của tỉnh là 703.240 triệu đồng (*bao gồm số chi KCB trong tỉnh và số chi KCB đã tuyến đi ngoại tỉnh dự tính là 261.500 triệu đồng*), quỹ KCB BHYT toàn tỉnh dự tính bị vượt chi là 73.499 triệu đồng.

2. Xây dựng dự toán chi KCB BHYT năm 2018

Dự toán chi KCB BHYT được xây dựng theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Quỹ KCB BHYT của từng cơ sở KCB dựa trên số thẻ đăng ký ban đầu tại thời điểm tháng 12/2017; số thu BHYT theo dự toán thu năm 2018, suất phí tạm tính năm 2018 (*chưa quyết toán năm 2017, nên tạm thời căn cứ số chi KCB BHYT đã được thẩm định 04 quý năm 2017 để tính suất phí năm 2018*). Quỹ KCB BHYT được điều chỉnh vào đầu mỗi quý khi số thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu và số thu BHYT thay đổi và được cơ quan BHXH thông báo theo mẫu số C81-HD (ban hành theo Thông tư số 178/TT-BTC ngày 23/10/20123 của Bộ tài chính).

- Số chi KCB BHYT dự toán năm 2018 giao cho từng cơ sở KCB dựa trên số chi KCB BHYT năm 2017 đã được thẩm định và được điều chỉnh theo số giao dự toán chi KCB BHYT tại Quyết định số 17/QĐ-TTG ngày 02/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Riêng chi phí phát sinh tại PKĐK Thảo tiên và PKĐK Minh Tâm được điều chỉnh giảm theo chi phí bình quân ngoại trú/lượt KCB của các cơ sở KCB tuyến huyện năm 2017 (171.362 đồng/lượt).

- Chi KCB trong quỹ theo từng cơ sở KCB: là chi KCB BHYT của bệnh nhân đăng ký KCB ban đầu KCB tại cơ sở y tế đó và KCB tại các cơ sở y tế khác trong tỉnh, ngoài tỉnh Bình Phước.

- Chi KCB tại cơ sở KCB: là chi phí KCB BHYT của bệnh nhân đăng ký KCB ban đầu, bệnh nhân BHYT trên địa bàn tỉnh, bệnh nhân do BHXH tỉnh, thành phố khác phát hành thẻ đến khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế đó.

- Số chỉ chăm sóc sức khỏe ban đầu: theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT. Cụ thể được tính như sau: căn cứ số đối tượng học sinh, sinh viên, trẻ em dưới 06 tuổi tham gia BHYT tại thời điểm tháng 12/2017 và mức lương cơ sở 06 tháng đầu năm 2018 là: 1.300.000 đồng, 06 tháng cuối năm 2018 là 1.390.000 đồng.

Để kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo nguồn kinh phí khám, chữa bệnh chi tiết đến từng cơ sở KCB nhằm đảm bảo quyền lợi của người tham gia BHYT và sử dụng quỹ KCB BHYT đúng quy định, hiệu quả, BHXH tỉnh đề nghị Sở Y Tế, Sở Tài chính tỉnh Bình Phước góp ý với dự thảo phân bổ Dự toán chi khám, chữa bệnh BHYT năm 2018. Văn bản góp ý gửi về BHXH tỉnh trước ngày 06/4/2018./.

(BHXH tỉnh xin gửi kèm Bảng thống kê, so sánh số lượt KCB, chi phí KCB BHYT tại các cơ sở KCB trong tỉnh năm 2017-2016, dự thảo Dự toán chi KCB BHYT năm 2018 và Công văn số 804/BHXH-CSYT ngày 13/3/2018 của BHXH Việt Nam). *Ưư*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc; Phó Giám đốc;
- Phòng KH-TC;
- Lưu: VT, GDYT (02 bản) *Ưư*



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lương Quang Vinh

THỐNG KÊ, SO SÁNH SỐ LƯỢT KCB, CHI PHÍ KCB BHYT TẠI CÁC CƠ SỞ KCB TRONG TỈNH NĂM 2017-2016

(Kèm theo Công văn số: 205 /BHXH-GĐYT ngày 12 tháng 4 năm 2018)

Đơn vị: triệu đồng, lượt

STT	Tên cơ sở y tế	Mã cơ sở KCB	Số lượt KCB			Ngày điều trị			Chi phí BHYT thanh toán			Chi phí bình quân/lượt			So sánh chi phí năm 2017 tăng so với năm 2016: tăng, giảm ()		
			Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Tổng cộng	Do số lượt	Do chi phí bình quân
A	B	C	1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7	10	11	12=11/10	13=14+15	14=(2-1)*10	15=(11-10)*2
A	NGOẠI TRÚ																
1	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001	88.679	99.648	1,12	0			21.688	28.292	1,30	0,244567	0,283919	1	6.604	2.683	3.922
2	TTYT huyện Hớn Quản	70002	51.400	72.647	1,41	0			6.136	9.801	1,60	0,119377	0,134913	1	3.665	2.536	1.129
3	TTYT huyện Bù Đăng	70003	88.556	96.620	1,09	0			17.348	23.688	1,37	0,195899	0,245167	1	6.340	1.580	4.760
4	TTYT huyện Đồng Phú	70004	53.076	60.697	1,14	0			7.911	11.789	1,49	0,149050	0,194227	1	3.878	1.136	2.742
5	TTYT huyện Lộc Ninh	70006	105.505	114.115	1,08	0			13.830	17.495	1,27	0,131084	0,153310	1	3.665	1.129	2.536
6	TTYT huyện Bù Đốp	70007	47.390	54.043	1,14	0			8.896	9.578	1,08	0,187719	0,177229	1	682	1.249	(567)
7	TTYT huyện Chơn Thành	70008	101.715	115.787	1,14	0			10.770	13.872	1,29	0,105884	0,119806	1	3.102	1.490	1.612
8	TTYT thị xã Đồng Xoài	70009	65.294	58.292	0,89	0			14.412	14.143	0,98	0,220725	0,242623	1	-269	(1.546)	1.276
9	BVĐK cao su Lộc Ninh	70010	25.912	29.152	1,13	0			2.829	3.914	1,38	0,109177	0,134262	1	1.085	354	731
10	BVĐK cao su Đồng Phú	70011	12.540	11.823	0,94	0			1.131	1.339	1,18	0,090191	0,113254	1	208	(65)	273
11	BVĐK cao su Bình Long	70012	26.089	31.536	1,21	0			3.270	5.181	1,58	0,125340	0,164288	1	1.911	683	1.228
12	BVĐK cao su Phú Riềng	70013	44.864	49.863	1,11	0			5.439	7.801	1,43	0,121233	0,156449	1	2.362	606	1.756
13	BVYH cổ truyền tỉnh	70030	36.625	38.656	1,06	0			15.113	18.338	1,21	0,412642	0,474389	1	3.225	838	2.387
14	TTYT thị xã Bình Long	70071	139.992	148.823	1,06	0			18.267	24.318	1,33	0,130486	0,163402	1	6.051	1.152	4.899
15	TTYT thị xã Phước Long	70072	86.461	106.386	1,23	0			16.244	19.880	1,22	0,187877	0,186867	1	3.636	3.743	(107)
16	BVĐK Thánh Tâm	70079	24.564	41.556	1,69	0			3.672	7.128	1,94	0,149487	0,171528	1	3.456	2.540	916
17	Phòng khám thuộc Ban BSK CB tỉnh	70080	10.280	13.469	1,31	0			5.081	6.721	1,32	0,494261	0,498998	1	1.640	1.576	64
18	PKĐK Tâm Đức	70081	16.850	37.258	2,21	0			4.615	6.583	1,43	0,273887	0,176687	1	1.968	5.589	(3.621)
19	PKĐK 123 Hùng Vương	70082	14.014	30.782	2,20	0			1.933	4.510	2,33	0,137933	0,146514	1	2.577	2.313	264

THỐNG KÊ, SO SÁNH SỐ LƯỢT KCB, CHI PHÍ KCB BHYT TẠI CÁC CƠ SỞ KCB TRONG TỈNH NĂM 2017-2016

(Kèm theo Công văn số: 255 /BHXH-GDYT ngày 12 tháng 4 năm 2018)

Đơn vị: triệu đồng, lượt

STT	Tên cơ sở y tế	Mã cơ sở KCB	Số lượt KCB			Ngày điều trị			Chi phí BHYT thanh toán			Chi phí bình quân/lượt			So sánh chi phí năm 2017 tăng so với năm 2016: tăng, giảm ()		
			Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Tổng cộng	Do số lượt	Do chi phí bình quân
A	B	C	1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7	10	11	12=11/10	13=14+15	14=(2-1)*10	15=(11-10)*2
20	PKĐK Hồng Lý	70083	18.426	30.030	1,63	0			2.258	3.780	1,67	0,122544	0,125874	1	1.522	1.422	100
21	TTYT huyện Bù Gia Mập	70084	15.021	31.730	2,11	0			1.283	4.049	3,16	0,085414	0,127608	1	2.766	1.427	1.339
22	PKĐK Tâm Việt	70085	20.193	62.082	3,07	0			2.725	8.395	3,08	0,134948	0,135224	1	5.670	5.653	17
23	PKĐK Sài Gòn	70086	15.525	54.050	3,48	0			2.164	6.832	3,16	0,139388	0,126401	1	4.668	5.370	(702)
24	PKĐK Thảo Tiên	70087	1.786	24.822	13,90	0			871	11.591	13,31	0,487682	0,466965	1	10.720	11.234	(514)
25	PKĐK Minh Tâm	70088	0	22.254					0	4.421			0,198661		4.421	-	4.421
26	BV Quân dân y 16	97818	28.982	32.090	1,11	0			4.806	7.388	1,54	0,165827	0,230227	1	2.582	515	2.067
	CỘNG A		1.139.739	1.468.211	1,29	0			192.692	280.827	1,46	0,169067	0,191272	1	88.135	55.207	32.928
B	NỘI TRÚ														0	-	-
1	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001	24.204	28.698	1,19	82.023	184.206	2,25	57.427	84.901	1,48	2,372624	2,958429	1	27.474	10.663	16.811
2	TTYT huyện Hớn Quản	70002	967	1.372	1,42	3.845	4.797	1,25	357	828	2,32	0,369183	0,603499	2	471	150	321
3	TTYT huyện Bù Đăng	70003	3.502	3.999	1,14	18.939	24.506	1,29	3.310	6.306	1,91	0,945174	1,576894	2	2.996	470	2.526
4	TTYT huyện Đồng Phú	70004	2.151	1.926	0,90	8.590	7.552	0,88	873	1.423	1,63	0,405858	0,738837	2	550	(91)	641
5	TTYT huyện Lộc Ninh	70006	7.473	7.572	1,01	39.291	40.072	1,02	6.169	10.107	1,64	0,825505	1,334786	2	3.938	82	3.856
6	TTYT huyện Bù Đốp	70007	1.918	2.370	1,24	10.175	8.071	0,79	1.195	2.530	2,12	0,623045	1,067511	2	1.335	282	1.053
7	TTYT huyện Chơn Thành	70008	3.433	3.427	1,00	9.704	15.915	1,64	1.505	3.115	2,07	0,438392	0,908958	2	1.610	(3)	1.613
8	TTYT thị xã Đồng Xoài	70009	451	969	2,15	1.406	3.982	2,83	273	984	3,60	0,605322	1,015480	2	711	314	397
9	BVĐK cao su Lộc Ninh	70010	2.038	1.938	0,95	11.070	10.203	0,92	1.119	1.587	1,42	0,549068	0,818885	1	468	(55)	523
10	BVĐK cao su Đồng Phú	70011	784	574	0,73	5.102	2.894	0,57	370	513	1,39	0,471939	0,893728	2	143	(99)	242
11	BVĐK cao su Bình Long	70012	2.690	2.218	0,82	18.805	15.192	0,81	1.539	2.179	1,42	0,572119	0,982417	2	640	(270)	910

THỐNG KÊ, SO SÁNH SỐ LƯỢT KCB, CHI PHÍ KCB BHYT TẠI CÁC CƠ SỞ KCB TRONG TỈNH NĂM 2017-2016

(Kèm theo Công văn số: 256 /BHXH-GDYT ngày 2 tháng 4 năm 2018)

Đơn vị: triệu đồng, lượt

STT	Tên cơ sở y tế	Mã cơ sở KCB	Số lượt KCB			Ngày điều trị			Chi phí BHYT thanh toán			Chi phí bình quân/lượt			So sánh chi phí năm 2017 tăng so với năm 2016: tăng, giảm ()		
			Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ so sánh 2017/2016	Tổng cộng	Do số lượt	Do chi phí bình quân
A	B	C	1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7	10	11	12=11/10	13=14+15	14=(2-1)*10	15=(11-10)*2
12	BVĐK cao su Phú Riềng	70013	3.257	3.267	1,00	19.060	20.853	1,09	1.812	3.422	1,89	0,556340	1,047444	2	1.610	6	1.604
13	BVYH cô truyền tỉnh	70030	2.215	2.384	1,08	43.510	56.230	1,29	11.012	13.888	1,26	4,971558	5,825503	1	2.876	840	2.036
14	TTYT thị xã Bình Long	70071	9.220	10.176	1,10	42.146	54.668	1,30	7.478	13.488	1,80	0,811063	1,325472	2	6.010	775	5.235
15	TTYT thị xã Phước Long	70072	5.737	6.871	1,20	26.068	26.050	1,00	4.099	7.752	1,89	0,714485	1,128220	2	3.653	810	2.843
16	BVĐK Thánh Tâm	70079	4.410	5.692	1,29	24.836	21.742	0,88	7.311	9.858	1,35	1,657823	1,731904	1	2.547	2.125	422
17	TTYT huyện Bù Gia Mập	70084	339	577	1,70	1.450	2.622	1,81	141	517	3,67	0,415929	0,896014	2	376	99	277
18	BV Quân dân y 16	97818	5.885	5.505	0,94	35.910	38.209	1,06	5.769	9.282	1,61	0,980289	1,686104	2	3.513	(373)	3.886
	CỘNG B		80.674	89.535	1,11	401.930	537.764	1,34	111.759	172.680	1,55	1,385316	1,928631	1	60.921	15.725	45.196
	TỔNG CỘNG A+B		1.220.413	1.557.746	1,28	401.930	537.764	1,34	304.451	453.507	1,49	0,249466	0,291130	1	149.056	70.932	78.124

*** Ghi chú:**

Số liệu năm 2016 của các cơ sở KCB BHYT sau chưa đủ 12 tháng trong năm do thời điểm bắt đầu ký hợp đồng KCB BHYT:

- PKĐK Hồng Lý: 10 tháng (từ 01/3/2016-31/12/2016);
- PKĐK Tâm Việt, PKĐK Sài Gòn: 06 tháng (từ 01/7/2016-31/12/2016);
- PKĐK Tháo Tiên: 03 tháng (từ 01/10/2016-31/12/2016).
- TTYT huyện Bù Gia Mập: 09 tháng (từ 01/4/2016-31/12/2016).

DỰ THẢO

DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM 2018

Phân bổ đến từng cơ sở khám, chữa bệnh theo số dự toán chi KCB BHYT tại Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 02/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn số: 265 /BHXH-GĐYT ngày 02 / 4 /2018 của BHXH tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Lược/Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số thẻ đăng ký KCB ban đầu	Quỹ KCB được sử dụng tại cơ sở KCB	Chi KCB tính vào quỹ KCB BHYT của từng cơ sở KCB	Tổng chi KCB tại cơ sở KCB	Chi KCB nội tỉnh ban đầu		Chi KCB đa tuyến nội tỉnh đến		Chi KCB đa tuyến ngoại tỉnh đến		Chi KCB đa tuyến đi nội tỉnh		Chi KCB đa tuyến đi ngoại tỉnh		Chi kết dư chuyển cơ sở KCB
						Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	
A	B	1	2	$3=5+11+1$ 3	$4=5+7+9$	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Văn phòng BHXH tỉnh															
1	BVĐK tỉnh	45.962	34.104	75.198	108.131	46.283	78.708	55.806	46.188	6.042	4.681	3.896	11.518	25.019	13.077	
2	BVYH cô truyền tỉnh	8.290	6.151	24.483	30.798	16.065	29.257	12.983	10.686	1.750	1.488	2.550	5.081	5.868	3.515	
3	BV Quân dân Y 16	23.523	17.454	25.338	15.793	12.038	29.600	3.294	7.724	461	368	4.437	10.407	8.863	4.550	
4	Phòng khám thuộc Ban BVSKCB tỉnh	1.457	540	11.593	6.320	5.478	11.780	809	1.645	33	60	2.044	2.022	4.071	1.189	
5	BVĐK Thánh Tâm	6.511	4.531	4.729	16.502	1.952	9.222	12.742	34.761	1.808	4.429	1.154	5.257	1.623	1.138	
6	PKĐK 123 Hùng Vương	211	76	161	4.304	62	479	4.017	29.149	225	1.566	70	96	29	21	
7	PKĐK Hồng Lý	371	133	428	3.570	85	707	3.416	28.950	69	506	84	572	259	329	
8	PKĐK Tâm Việt	239	86	134	7.943	55	400	7.683	60.713	205	1.315	43	156	36	36	
9	PKĐK Sài Gòn	13.561	4.861	10.641	6.469	2.102	17.974	4.192	35.100	175	1.324	3.570	22.335	4.969	8.192	
10	PKĐK Thảo Tiên	3.877	1.390	2.639	4.338	929	5.421	3.088	18.022	321	1.871	874	1.710	836	369	
11	PKĐK Minh Tâm	29	10	17	8.090	4	21	7.894	46.066	192	1.123	13	55	0	0	

DỰ THẢO

DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM 2018

Phân bổ đến từng cơ sở khám, chữa bệnh theo số dự toán chi KCB BHYT tại Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 02/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn số: 255 /BHXH-GĐYT ngày 02 / 4 /2018 của BHXH tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Lượt/Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số thẻ đăng ký KCB ban đầu	Quỹ KCB được sử dụng tại cơ sở KCB	Chi KCB tính vào quỹ KCB BHYT của từng cơ sở KCB	Tổng chi KCB tại cơ sở KCB	Chi KCB nội tỉnh ban đầu		Chi KCB đa tuyến nội tỉnh đến		Chi KCB đa tuyến ngoại tỉnh đến		Chi KCB đa tuyến đi nội tỉnh		Chi KCB đa tuyến đi ngoại tỉnh		Chi kết dư chuyển cơ sở KCB
						Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	
A	B	1	2	$3=5+11+1$ 3	$4=5+7+9$	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Kinh phí tại tỉnh: 55%, 10% và chênh lệch giữa quỹ dịch vụ và định suất; chi phí thẻ đăng ký ban đầu ngoại tỉnh, thẻ đăng ký ban đầu tại PKĐK Tâm Đức (còn hạn sử dụng)...	4.484	85.942	26.264	10.566	2.458	3.837	6.896	8.871	1.212	3.088	3.735	4.907	20.071	17.679	0
	CỘNG VẤN PHÒNG	108.515	155.278	181.625	222.824	87.511	187.406	122.820	327.875	12.493	21.819	22.470	64.116	71.644	50.095	0
II	Cơ sở KCB huyện, thị xã															
1	TTYT thị xã Đồng xoài	57.218	39.822	41.776	14.639	11.362	45.121	1.858	10.073	1.419	5.517	15.437	46.064	14.977	6.561	
2	TTYT huyện Bù Gia Mập	48.599	33.823	20.612	4.361	2.509	19.380	1.616	12.040	236	1.203	10.297	29.872	7.806	3.172	
3	TTYT huyện Lộc Ninh	69.684	51.705	64.110	26.520	22.095	108.144	2.458	8.293	1.967	7.122	8.158	18.331	33.857	17.356	
4	BVĐK cao su Lộc Ninh	14.159	9.854	6.009	5.239	1.939	16.069	3.059	14.237	241	1.064	1.540	4.877	2.530	1.444	
5	TTYT huyện Bù Đốp	46.481	34.488	31.652	11.575	10.080	50.498	823	3.548	672	3.211	6.563	13.832	15.009	5.921	
6	TTYT huyện Hớn Quản	36.132	25.147	33.238	10.169	6.524	45.712	3.024	25.381	621	3.969	8.420	28.237	18.294	16.156	

lyet

DỰ THẢO

DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM 2018

Phân bổ đến từng cơ sở khám, chữa bệnh theo số dự toán chi KCB BHYT tại Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 02/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn số: 255 /BHXH-GĐYT ngày 02 / 4 /2018 của BHXH tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Lượt/Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số thẻ đăng ký KCB ban đầu	Quỹ KCB được sử dụng tại cơ sở KCB	Chi KCB tính vào quỹ KCB BHYT của từng cơ sở KCB	Tổng chi KCB tại cơ sở KCB	Chi KCB nội tỉnh ban đầu		Chi KCB đa tuyến nội tỉnh đến		Chi KCB đa tuyến ngoại tỉnh đến		Chi KCB đa tuyến đi nội tỉnh		Chi KCB đa tuyến đi ngoại tỉnh		Chi kết dư chuyển cơ sở KCB
						Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	
A	B	1	2	3=5+11+1 3	4=5+7+9	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	TTYT huyện Đồng Phú	28.005	19.490	27.269	12.722	10.133	50.574	1.559	8.474	1.030	4.850	7.979	22.473	9.157	5.972	
8	BVĐK cao su Đồng Phú	5.539	3.855	4.631	1.753	1.447	10.535	267	1.685	39	240	1.467	4.813	1.717	2.845	
9	TTYT huyện Chơn Thành	56.213	39.122	52.824	16.608	12.842	98.524	1.625	11.687	2.141	12.213	10.485	58.124	29.497	32.422	
10	TTYT huyện Bù Đăng	91.237	67.697	68.650	28.604	26.585	95.582	572	2.219	1.447	3.823	16.052	27.115	26.013	14.973	
11	TTYT thị xã Bình Long	73.447	54.497	75.093	36.191	25.735	128.281	8.193	23.934	2.263	9.203	9.288	41.304	40.070	36.697	
12	BVĐK cao su Bình Long	5.167	3.834	5.632	7.015	2.481	13.347	4.191	19.376	343	1.399	914	3.996	2.237	2.154	
13	TTYT thị xã Phước Long	74.117	54.994	67.606	26.457	17.778	75.374	7.013	33.315	1.666	6.197	21.166	82.320	28.662	12.697	
14	Các TYT thuộc huyện Phú Riềng (do TTYT thị xã Phước Long tổng hợp thanh toán chi phí KCB BHYT)	11.399	8.458	7.745	0	0	0	0	0	0	0	4.074	13.596	3.671	1.593	
15	BVĐK cao su Phú Riềng	43.645	32.384	40.784	10.675	8.724	45.508	1.501	6.239	450	1.876	16.269	49.306	15.791	7.656	
	CỘNG HUYỆN	661.042	479.170	547.631	212.528	160.234	802.649	37.759	180.501	14.535	61.887	138.109	444.260	249.288	167.619	0

DỰ THẢO

DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM 2018

Phân bổ đến từng cơ sở khám, chữa bệnh theo số dự toán chi KCB BHYT tại Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 02/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn số: 255 /BHXH-GĐYT ngày 02 / 4 /2018 của BHXH tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Lượt/Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số thẻ đăng ký KCB ban đầu	Quỹ KCB được sử dụng tại cơ sở KCB	Chi KCB tính vào quỹ KCB BHYT của từng cơ sở KCB	Tổng chi KCB tại cơ sở KCB	Chi KCB nội tỉnh ban đầu		Chi KCB đa tuyến nội tỉnh đến		Chi KCB đa tuyến ngoại tỉnh đến		Chi KCB đa tuyến đi nội tỉnh		Chi KCB đa tuyến đi ngoại tỉnh		Chi kết dư chuyển cơ sở KCB
						Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	Số chi KCB	Số lượt KCB	
A	B	1	2	3=5+11+1 3	4=5+7+9	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	769.557	634.448	729.256	435.352	247.745	990.055	160.579	508.376	27.028	83.706	160.579	508.376	320.932	217.714	0

*** Ghi chú:**

- Số thẻ đăng ký KCB ban đầu (cột 1) là số thẻ tại thời điểm tháng 12/2017: 769.557 thẻ (bằng tổng số 781.152 thẻ - 11.595 (thẻ TNSQ quân đội)); được căn cứ theo Bảng thông hợp số thẻ và số phải thu quý IV/2017 do Phòng Quản lý Thu lập ngày 09/01/2018.
- Quỹ KCB được sử dụng tại cơ sở KCB (cột 2) là 634.448 triệu đồng, (được tính căn cứ vào số dự toán thu tại Mẫu biểu số 01, mẫu biểu số 02 do P.Quản lý Thu và Phòng Khai Thác thu nợ lập ngày 15/3/2018). Cụ thể căn cứ số dự toán thu tính quỹ KCB như sau:
 - Số thu 716.532 triệu đồng
 - Quỹ KCB BHYT (=2.1*90%) 644.879 triệu đồng
 - Chi CSSKBĐ (tính theo nhóm đối tượng tại thời điểm tháng 12/2017) 10.431 triệu đồng
 - Quỹ KCB được sử dụng tại cơ sở y tế (=2.2-2.3) 634.448 triệu đồng
- Chi KCB tính vào quỹ KCB BHYT của từng cơ sở KCB (cột 3) là 729.256 triệu đồng (số chi của tỉnh theo Quyết định số 17/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ: = 739.687 triệu đồng trừ đi (-) chi CSSKBĐ: 10.431 triệu đồng); là chi phí của thẻ đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB, bao gồm: chi KCB nội tỉnh ban đầu + chi KCB đa tuyến đi nội tỉnh + chi KCB đa tuyến đi ngoại tỉnh.
- Chi KCB tại cơ sở KCB (cột 4) là 435.352 triệu đồng, bao gồm: chi KCB nội tỉnh ban đầu + chi KCB đa tuyến nội tỉnh đến + chi KCB đa tuyến ngoại tỉnh đến.
- Dự báo chi KCB BHYT theo số giao dự toán tại Quyết định số 17/QĐ-TTg thì quỹ KCB BHYT năm 2018 bị vượt chi là: 94.808 triệu đồng.

Số: 804 /BHXH-CSYT
V/v hướng dẫn thực hiện dự toán
chi KCB BHYT năm 2018

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;
- Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân.

(Sau đây gọi chung là BHXH tỉnh)

Ngày 02/3/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-TTg về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT) năm 2018, BHXH Việt Nam đề nghị BHXH các tỉnh chủ động phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị có liên quan khẩn trương, nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 2/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2018, trong đó cần lưu ý một số nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ giao cho các tỉnh, thành phố được xây dựng theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Chi khám bệnh, chữa bệnh của bệnh nhân do BHXH tỉnh phát hành thẻ đi khám bệnh, chữa bệnh tại tỉnh và khám bệnh, chữa bệnh tại các địa phương khác;

- Số chi chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT.

- Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT giao cho BHXH các tỉnh đã tính đủ phân chi phí áp dụng giá dịch vụ y tế có tiền lương của những tháng còn thiếu cho đủ 12 tháng trong năm 2018 (kể cả 27 tỉnh, thành phố áp dụng giá dịch vụ y tế có lương vào cuối tháng 3,4 năm 2017).

- Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2018 đảm bảo tính tương đồng về số chi khám bệnh, chữa bệnh bình quân của một người tham gia BHYT trong năm; địa phương có số thu BHYT bình quân trên một thẻ BHYT cao bù đắp cho địa phương có số thu bình quân thấp.

Do vậy, yêu cầu các địa phương có số chi khám, chữa bệnh lớn, không hợp lý trong những năm trước cần có giải pháp quản lý chặt chẽ để đảm bảo thực hiện được dự toán của Thủ tướng Chính phủ giao và quyền lợi của người tham gia BHYT.

2. Giao BHXH tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính và cơ quan có liên quan:

- Xây dựng kế hoạch và đề xuất giải pháp thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ BHYT; thực hiện nghiêm túc quy định về tạm ứng chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

- Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng kinh phí khám, chữa bệnh BHYT năm 2017; phân tích, đánh giá các yếu tố tăng, giảm chi khám bệnh, chữa bệnh trong năm 2018 chung của tỉnh và riêng của từng cơ sở khám bệnh, để có cơ sở xây dựng và tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo nguồn kinh phí khám, chữa bệnh chi tiết đến từng cơ sở y tế gồm: chi khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, chi đa tuyến đến, chi đa tuyến đi, đảm bảo quyền lợi của người bệnh có thể BHYT. Đối với cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc các bộ, ngành, BHXH tỉnh trực tiếp thông báo dự toán nguồn kinh phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2018, đồng thời gửi đơn vị quản lý các cơ sở y tế này để theo dõi và phối hợp chỉ đạo, thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm kiểm soát theo dõi chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT đối với từng cơ sở y tế để đảm bảo trong phạm vi dự toán giao. Trường hợp thực hiện vượt dự toán giao, BHXH tỉnh phối hợp với Sở Y tế tỉnh thẩm định, xác định số vượt dự toán theo từng nguyên nhân để tổng hợp báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, BHXH tỉnh tổng hợp, gửi BHXH Việt Nam để báo cáo Hội đồng quản lý, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Xây dựng kế hoạch tăng cường công tác truyền thông về BHYT, có giải pháp vận động người dân tham gia BHYT phù hợp với từng nhóm đối tượng để đạt chỉ tiêu phát triển BHYT của địa phương được giao tại Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện BHYT giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo với Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và BHXH Việt Nam về tình hình thực hiện công tác khám bệnh, chữa bệnh BHYT; sử dụng quỹ khám, chữa bệnh BHYT và những khó khăn, vướng mắc, đồng thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ để xin ý kiến chỉ đạo, giải quyết.

3. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với BHXH tỉnh và các cơ quan có liên quan:

- Chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện dự toán chi khám, chữa bệnh được giao trong năm 2018, báo cáo Sở Y tế đồng gửi cơ quan BHXH để theo dõi, giám sát;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật bệnh viện, hướng dẫn chẩn đoán và điều trị do Bộ Y tế ban hành; thực hiện nghiêm túc việc chuyển dữ liệu chi phí khám, chữa bệnh trong ngày lên Công thông tin giám định BHYT;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; Phối hợp với BHXH tỉnh xây dựng các giải pháp để ngăn chặn tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ BHYT báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự toán.

4. Giao Sở Tài chính chủ động xây dựng kế hoạch chuyên đủ, kịp thời kinh phí ngân sách đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng chính sách; có kế hoạch chi tiết phân bổ nguồn ngân sách Nhà nước được cấp trong năm 2018 để chi thường xuyên cho hoạt động y tế, cần lưu ý bổ sung kinh phí đối với các cơ sở khám, chữa bệnh đặc thù có nguồn thu thấp, không đủ chi lương cho nhân viên y tế và hoạt động thường xuyên của đơn vị.

5. Giao Giám đốc cơ sở khám, chữa bệnh BHYT chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí khám, chữa bệnh BHYT được giao đúng quy định, hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của người bệnh; nâng cao tinh thần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chỉ định xét nghiệm, điều trị nội trú và sử dụng dịch vụ, nhất là các dịch vụ kỹ thuật và thuốc đắt tiền; thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về khám, chữa bệnh BHYT và chuyển dữ liệu cho cơ quan BHXH trong ngày để phục vụ cho việc giám định, thanh toán.

Yêu cầu BHXH các tỉnh khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện, định kỳ hàng tháng báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam (trên Hệ thống thông tin giám định BHYT) tình hình chi khám bệnh, chữa bệnh so với dự toán; khó khăn, vướng mắc trong quản lý điều hành và đề xuất các giải pháp kiểm soát, thực hiện để kịp thời chỉ đạo giải quyết. / *R*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Vương Đình Huệ (để báo cáo);
- PTTg Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐQT BHXHVN (để báo cáo);
- VPCP, Bộ Y tế, Bộ Tài chính (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố (để phối hợp chỉ đạo);
- Cục Quân y- BQP, Cục Y tế - BCA, Cục Y tế - BGTVT;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố (để phối hợp với BHXH tỉnh);
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc BHXH VN;
- Lưu: VT, CSYT (3bản).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Lương Sơn